

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Tảo, Bà Phạm Thị Bông.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Đình M, sinh năm 1973.

Nơi thường trú: thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh H; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hà Y, sinh năm 1976;

Nơi thường trú: thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Dương Đình M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hà Y được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh H ngày 03/11/2000. Anh là giáo viên dạy ở Trường Trung học cơ sở xã Q, chị Y là giáo viên dạy ở Trường tiểu học xã Q.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống vui vẻ được khoảng 5-6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, chị Y thường xuyên có lời lẽ không tôn trọng chồng và gia đình chồng, anh chị không có tiếng nói chung nên vợ chồng không hạnh phúc. Cách đây khoảng 3-4 năm, chị Y đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ, sau đó lại về xin lỗi gia đình chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được khắc phục. Cách đây hơn chục năm, chị Y từng viết đơn xin ly hôn bảo anh ký vào đơn, anh đã ký đơn rồi nhưng không thấy chị Y nộp đơn ra Toà. Trong suốt thời gian đó, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm nhau, việc ai người ấy lo. Quá trình sống chung, chị Y không tin tưởng anh về kinh tế, lúc nào chị Y cũng nghĩ là anh mang tiền lo cho gia đình nhà đẻ, trong khi thực tế anh còn phải lo toan nhiều việc như xây nhà, trả nợ. Trước đây có thời gian anh bị tai nạn, thường xuyên

đau ốm, chị Y cũng không quan tâm chăm sóc cho anh. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, anh cảm thấy cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng nặng nề, không còn tình cảm, không còn sự tôn trọng nhau. Anh xin được ly hôn chị Y.

Về con chung: Anh và chị Y có ba con chung là Dương Thị Ngọc Khánh - sinh năm 2001 đã trưởng thành, Dương Thị Ngọc Anh - sinh ngày 05/9/2005 đã trưởng thành và Dương Đình Lâm - sinh ngày 08/10/2012. Cháu Khánh và cháu Anh đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng. Cháu Lâm đang ở với chị Y. Việc nuôi dưỡng cháu Lâm anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn chị Dương Thị Hà Y trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện, thời gian kết hôn như anh M trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ chồng chị ở thôn V được hơn 02 năm thì mua nhà đất ra ở riêng tại thôn Phạm Lý, xã Q. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng đã bán nhà đất ở thôn Phạm Lý và quay về xây nhà trên đất của bố mẹ chồng chị tại thôn V đang ở hiện nay. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh M thiếu trách nhiệm với vợ con, các con thường xuyên ốm đau nhưng anh M vẫn đi sớm về khuya không quan tâm. Mặt khác, tính nết, cách sống, quan điểm nuôi dạy con của vợ chồng luôn xảy ra bất đồng, chị nhiều lần góp ý với anh M thay đổi để cuộc sống hoà hợp hơn nhưng không có kết quả. Mặc dù đã ở riêng, nhưng mẹ chồng chị vẫn can thiệp quá sâu vào cuộc sống của vợ chồng, anh M không đứng ra hoá giải. Anh M còn thường xuyên có lời lẽ, thái độ coi thường vợ. Công việc hàng ngày trong gia đình, anh M không quan tâm đến ý kiến của chị mà thường tự quyết định, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng hơn, một mặt là do các con không được khoẻ mạnh, một mặt là áp lực kinh tế, nhưng mẹ chồng yêu cầu chị mỗi tháng phải đưa cho anh M vài triệu, trong khi lương giáo viên của chị lúc đó chỉ được 7,5 triệu đồng/tháng. Chị cảm thấy cuộc sống rất khó khăn mà chồng và gia đình chồng không hiểu, không chia sẻ, không cảm thông khiến chị cảm thấy rất căng thẳng, áp lực, bức xúc. Anh M để một mình chị phải tự giải quyết mà không đứng ra hoá giải dẫn đến sự căng thẳng giữa chị và mẹ chồng. Tất cả mọi vấn đề xảy ra trong cuộc sống chị đều cảm thấy cách sống, cách cư xử của anh M chưa phù hợp, khi đó chị đều góp ý khuyên giải mục đích chỉ muốn tốt cho anh M và gia đình, nhưng anh M không tiếp thu, lại cho rằng chị nghĩ xấu cho anh và gia đình anh. Mặt khác, anh M cũng không giúp đỡ chị trong việc nhà, chị góp ý thì anh M nói việc nhà là của người phụ nữ. Vì vậy, mọi áp lực công việc, gia đình, con cái, đối nội đối ngoại khiến chị rất mệt mỏi. Đến tháng 02/2024, vợ chồng cãi nhau, anh M chuyển lên nhà bố mẹ đẻ ở, không ở cùng nhà với chị nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không nói chuyện để đưa ra biện pháp hàn gắn. Nay anh M làm đơn xin ly hôn nhưng anh chị chưa thoả thuận được với nhau về nơi ăn chỗ ở của các con. Quan điểm của chị là sau khi vợ chồng thoả thuận được về vấn đề tài sản thì chị mới nhất trí ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có ba con chung là cháu Dương Thị Ngọc Khánh - sinh ngày 22/11/2001, Dương Thị Ngọc Anh - sinh ngày 05/9/2005 và Dương Đình Lâm - sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay cháu Khánh và cháu Anh đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Còn cháu Lâm vẫn đang ở cùng nhà với chị. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi cháu Lâm và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lâm theo quy định pháp luật. Hiện nay, chị là giáo viên dạy ở Trường tiểu học xã Q, anh M là giáo viên dạy ở Trường Trung học cơ sở xã Q, anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Ngày 26/7/2024 chị Y có đơn khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Ngày 29/7/2024, Tòa án ra Thông báo yêu cầu chị Y nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Ngày 31/7/2024 chị Y nộp Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung vợ chồng, đồng thời nộp đơn xin xác nhận đề nghị Tòa án giải quyết tài sản của vợ chồng cho các con, chị xác định không nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo của Tòa án.

Tại phiên hoà giải ngày 08/8/2024, anh M chị Y đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung Dương Đình Lâm. Cụ thể, anh chị thống nhất giao con chung Dương Đình Lâm cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Y số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2024 đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

* Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến như trên. Chị Y trình bày: Vì anh M muốn nhờ pháp luật chia tài sản ở vụ án khác nên chị muốn đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề chia tài sản chung vợ chồng ở phiên tòa này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; những người tham gia tố tụng nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của BLTTDS;

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Dương Đình M được ly hôn chị Nguyễn Thị Hà Y;

Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh M, chị Y về việc giao con chung Dương Đình Lâm cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Y số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2024 đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Dương Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không giải quyết;

Về án phí: Anh Dương Đình M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Dương Đình M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Hà Y, nơi thường trú tại thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đình M và chị Nguyễn Thị Hà Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh H ngày 03/11/2000, nên quan hệ hôn nhân của anh M chị Y là hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của anh M, chị Y thì thấy trong cuộc sống hôn nhân, anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con và cách nhìn nhận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn âm ỉ trong một thời gian dài không có biện pháp khắc phục đã làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi. Đến nay, anh chị vẫn bày tỏ sự bức xúc của mình với đối phương mà không có biện pháp nào hàn gắn. Anh M kiên quyết xin ly hôn, chị Y không đồng ý nhưng lý do chị Y đưa ra là vì anh chị chưa thoả thuận được với nhau về vấn đề tài sản, chứ không phải vì lý do muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân, không quan tâm nhau, trong khi đó hôn nhân chỉ hạnh phúc khi có sự xây dựng và vun đắp từ hai phía. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh M được ly hôn chị Y là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh M, chị Y có ba con chung là Dương Thị Ngọc Khánh - sinh ngày 22/11/2001, Dương Thị Ngọc Anh - sinh ngày 05/9/2005 và Dương Đình Lâm - sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay cháu Khánh và cháu Anh đã trưởng thành, không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Cháu Lâm hiện đang ở cùng với chị Y. Cháu Lâm bày tỏ nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ. Anh M, chị Y đều là giáo viên gần nhà, anh chị đều có mức lương hàng tháng từ 15-16 triệu đồng. Tại phiên hoà giải và tại phiên toà, anh M, chị Y thống nhất thoả thuận giao con chung Dương Đình Lâm cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Y số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2024 đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Do vậy, cần công nhận sự thoả thuận về việc nuôi con của anh chị là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức:

Anh M không yêu cầu giải quyết.

Về việc chị Y đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng: Ngày 26/7/2024 chị Y có đơn khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng

gồm: ngôi nhà hai tầng, công trình phụ, bể, giàn chắn nắng, giàn leo, phần đất vượt lập thêm, giàn pin mặt trời, giàn năng lượng mặt trời, tủ lạnh, 03 tủ quần áo, bàn ghế, 02 máy giặt sấy, máy rửa bát, 02 bếp từ, 04 điều hoà, máy in, ti vi, hút bụi, 02 máy hút âm, 02 téc nước, loa, quạt trần, quạt hơi nước, 03 quạt cây, bình bếp ga và một số đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình. Chị Y không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 29/7/2024, Toà án ra Thông báo yêu cầu chị Y nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Ngày 31/7/2024 chị Y nộp Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung vợ chồng, đồng thời chị giao nộp cho Toà án Đơn xin xác nhận của chị yêu cầu Toà án giải quyết chia nhà và tài sản trong nhà cho các con (có xác nhận của UBND xã Q), chị xác định không nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo của Toà án. Vì chị Y không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 146 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án không xem xét giải quyết. Sau này nếu chị có đơn yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ được Toà án xem xét giải quyết ở vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Dương Đình M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa và được Tòa án ghi nhận trong bản án, nên anh M phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Dương Đình M được ly hôn chị Nguyễn Thị Hà Y.

2. *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của anh M, chị Y về việc giao con chung Dương Đình Lâm cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Y số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2024 đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Dương Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Không giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Dương Đình M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ

thảm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng là 450.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001652 ngày 09 tháng 4 năm 2024. Anh M còn phải nộp thêm 150.000 đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh H (Số ĐKKH:38-03/11/2000).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân

